TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ - KHÓA 2020

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																								TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH31901604	Trần Châu Chí	Cường	D20_DDT01																			5.27	2.06		0.00	3.70		5.28	3.57	41/63	16/26		NoHP		DC	DH19
2	DH32001305	Nguyễn Ngọc Phương	Duy	D20_DDT01																						4.45	4.36		5.39	4.68	40/63	16/26		NoHP		DC	DH20
3	DH32003481	Trần Minh	Hùng	D20_DDT01																						5.50	5.08		6.78	5.70	45/63	21/26				DAT	DH20
4	DH32003893	Nguyễn Văn	Khá	D20_DDT01																						4.00	5.16	3.43	5.72	4.95	41/63	17/26				DAT	DH20
5	DH32003415	Nguyễn Hồng	Khang	D20_DDT01																						6.00	6.72		7.28	6.65	56/63	24/26				DAT	DH20
6	DH32003630	Lâm Minh	Khởi	D20_DDT01																						6.45	6.40	7.00	7.39	6.84	63/63	26/26				DAT	DH20
7	DH32001083	Nguyễn Thái Anh	Kiệt	D20_DDT01																						3.50	0.68		2.89	2.21	9/63	5/26	CCHV_1			CCHV	DH20
8	DH32003277	Nguyễn Trí	Phúc	D20_DDT01																						6.30	6.72		7.17	6.71	63/63	26/26				DAT	DH20
9	DH31901603	Nguyễn Văn	Phước	D20_DDT01																			4.81	4.06			3.95		5.61	4.71	40/63	16/26		NoHP		DC	DH19
10	DH32001310	Huỳnh Nhựt	Phương	D20_DDT01																						6.85	6.72	8.00	7.56	7.19	63/63	26/26				DAT	DH20
11	DH32002078	Nguyễn Minh	Quân	D20_DDT01																						6.05	6.04		6.89	6.29	59/63	25/26				DAT	DH20
12	DH32001061	Nguyễn Tuấn	Tài	D20_DDT01																						6.30	5.92		6.72	6.27	58/63	24/26				DAT	DH20
13	DH32003127	Đinh Quang	Thanh	D20_DDT01																						5.00	5.48	8.00	6.89	6.17	60/63	23/26				DAT	DH20
14	DH32002511	Lê Bá	Toàn	D20_DDT01																						5.25	5.96		7.17	6.08	56/63	23/26				DAT	DH20
15	DH32004006	Vương Nhật	Tú	D20_DDT01																						3.80	5.64	6.86	6.68	5.90	46/63	17/26				DAT	DH20
16	DH32003229	Nguyễn Hoàng	Vũ	D20_DDT01																						5.45	6.04	8.00	6.33	6.30	60/63	25/26				DAT	DH20
17	DH32007425	Võ Ngân	Giang	D20_DDT02																						5.55	6.40	5.00	7.50	6.51	63/63	26/26				DAT	DH20
18	DH32006366	Nguyễn Hoàng Minh	Hậu	D20_DDT02																						5.70	5.64	5.00	6.95	6.22	59/63	25/26				DAT	DH20
19	DH32007209	Đỗ Văn	Hiệp	D20_DDT02																						5.00	6.36	6.00	7.00	6.37	58/63	23/26				DAT	DH20
20	DH32006367	Lê Trung	Hiếu	D20_DDT02																						7.10	7.56		8.11	7.57	63/63	26/26				DAT	DH20
21	DH32006370	Nguyễn Vũ	Hòa	D20_DDT02																						7.10	6.80		7.89	7.21	62/63	25/26				DAT	DH20
22	DH32004031	Nguyễn Phát	Hùng	D20_DDT02																						6.60	7.00		6.94	6.86	63/63	26/26				DAT	DH20
23	DH32004450	Hoàng Trương Xuân	Huy	D20_DDT02																						7.05	6.28		6.89	6.70	63/63	26/26				DAT	DH20
24	DH31909027	Trần Thanh	Hưng	D20_DDT02																						5.95	5.90	6.00	6.50	6.24	56/63	24/26				DAT	DH19
25	DH32006374	Trần Anh Tuấn	Kiệt	D20_DDT02																						7.50	8.24		8.28	8.02	63/63	26/26				DAT	DH20
26	DH32004598	Nguyễn Thị Kim	Lý	D20_DDT02																						6.05	5.56	6.00	6.89	6.22	57/63	24/26				DAT	DH20
27	DH32006995	Trần Hoàng	Nam	D20_DDT02																						5.10	5.84		6.39	5.76	51/63	22/26				DAT	DH20
28	DH32006389	Lê Minh	Phát	D20_DDT02																						5.60	5.32	6.00	7.00	6.21	54/63	23/26				DAT	DH20
29	DH32006390	Nguyễn Tấn	Phát	D20_DDT02																						5.10	5.00	8.00	7.11	5.98	56/63	24/26				DAT	DH20
30	DH32007208	Võ Ngọc	Phát	D20_DDT02																						5.50	6.36	8.00	2.95	5.32	42/63	17/26	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH20
31	DH32006395	Nguyễn Hữu	Phúc	D20_DDT02																						3.35	5.32		6.33	4.98	39/63	17/26				DAT	DH20
32	DH32006398	Đặng Văn	Quí	D20_DDT02																						5.35	5.48		6.48	5.84	57/63	24/26				DAT	DH20
33	DH32006399	Nguyễn Thanh	Quý	D20_DDT02																						5.40	6.32	4.00	6.14	6.08	60/63	25/26				DAT	DH20
34	DH32006412	Lê Quốc	Thái	D20_DDT02																						6.70	6.00		7.17	6.56	63/63	26/26				DAT	DH20
35	DH32006413	Hoàng Đức	Thắng	D20_DDT02																						5.65	5.68	6.00	7.28	6.25	59/63	24/26				DAT	DH20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ - KHÓA 2020

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																								TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
36	DH32004117	Trần Huỳnh Nam	Thuận	D20_DDT02																						5.50	5.92	7.00	7.06	6.30	58/63	24/26				DAT	DH20
37	DH32006402	Trương Lâm Nhật	Tiến	D20_DDT02																						8.15	7.44		7.83	7.78	63/63	26/26				DAT	DH20
38	DH32004825	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	D20_DDT02																						5.60	6.24		6.78	6.19	56/63	24/26				DAT	DH20
39	DH32007242	Đặng Mạnh	Tường	D20_DDT02																						7.00	7.28		8.22	7.46	63/63	26/26				DAT	DH20
40	DH32007260	Nguyễn Quang	Việt	D20_DDT02																						6.70	5.12		6.89	6.13	58/63	24/26				DAT	DH20
41	DH32004542	Lê Thanh	Xuân	D20_DDT02																						6.90	6.92		8.67	7.41	63/63	26/26				DAT	DH20

Lưu ý: **Điểm trung bình được tính đến ngày 28/03/2022 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C25): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Ví dụ:
131 năm học 2013 - 2014 học kỳ 1
132 năm học 2013 - 2014 học kỳ 2
133 năm học 2013 - 2014 học kỳ hè
141 năm học 2014 - 2015 học kỳ 1

Qui ước:

[1] NoHP:	Nợ học phí	[7] DC:	Đình chỉ học tập
[2] KoDKMH:	Không đăng ký môn học	[8] TH_QHAN:	Xóa tên vì hết thời gian học tập
[3] CCHV:	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	[9] NGHIHOC:	Nghỉ học vì lý do cá nhân
[4] BTH:	Buộc thôi học	[10] TDUNG:	Tạm dừng vì lý do cá nhân
[5] CB_BTH:	Cảnh báo buộc thôi học	[11] DC & CB_TGIAN:	Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[6] CB_TGIAN:	Cảnh báo hết thời gian học tập	[12] DAT:	Đạt

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT ĐIỆN TỬ, VIỄN THÔNG - KHÓA 2020

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																								TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH42000726	Nguyễn Quốc Bảo	Anh	D20_VT01																						5.10	6.20	7.14	7.17	6.48	63/63	26/26				DAT	DH20
2	DH42003523	Trần Hoàng	Ân	D20_VT01																						5.15	6.60	8.00	6.48	6.48	63/63	26/26				DAT	DH20
3	DH42003358	Tạ Thanh	Bình	D20_VT01																						4.30	6.12		5.28	5.30	48/63	19/26				DAT	DH20
4	DH42001617	Trần Quốc	Bình	D20_VT01																						5.25	6.52	6.14	6.11	6.30	62/63	25/26				DAT	DH20
5	DH42002746	Lưu Đức	Cường	D20_VT01																						3.10	4.88		3.17	3.83	22/63	8/26	CCHV_1			CCHV	DH20
6	DH42002288	Lê Kim	Quí	D20_VT01																						4.45	5.56		7.83	5.86	51/63	22/26				DAT	DH20
7	DH41808003	Lưu Hoàng	Tín	D20_VT01																1.94							1.48		2.72	1.98	11/63	6/26	CCHV_2			CCHV	DH18
8	DH42006426	Nguyễn Minh	Dũng	D20_VT02																						5.55	5.92	7.00	4.44	5.57	51/63	19/26				DAT	DH20
9	DH42006428	Nguyễn Tất	Đạt	D20_VT02																						5.60	6.76	7.00	7.39	6.76	63/63	26/26				DAT	DH20
10	DH42004092	Võ Hồng	Hiệp	D20_VT02																						5.35	4.52		4.89	4.89	39/63	16/26				DAT	DH20
11	DH42006430	Trần Quốc	Kiệt	D20_VT02																						5.95	6.56	7.00	7.83	6.98	60/63	25/26				DAT	DH20
12	DH42004257	Võ Tấn	Phát	D20_VT02																						6.15	6.48	8.00	7.11	6.87	63/63	26/26				DAT	DH20
13	DH42007231	Nguyễn Thành	Thông	D20_VT02																						4.75	5.52	5.71	4.72	5.37	48/63	19/26				DAT	DH20
14	DH42006437	Lê Anh	Toàn	D20_VT02																						5.20	6.20	5.00	7.17	6.29	63/63	26/26				DAT	DH20

Lưu ý: **Điểm trung bình được tính đến ngày 28/03/2022 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C25): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
131 năm học 2013 - 2014 học kỳ 1
132 năm học 2013 - 2014 học kỳ 2
133 năm học 2013 - 2014 học kỳ hè
141 năm học 2014 - 2015 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[12] DAT: Đạt

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
(Đã ký)
ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)
PGS, TS. Cao Hào Thi